

Bản án số: **158/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29/11/2022

V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sự và ông Trương Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/11/2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1998, nhưng do không hiểu biết về thủ tục đăng ký kết hôn nên vợ chồng bà chưa được UBND xã Tam Thành chứng nhận việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chồng bà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã góp ý nhiều lần nhưng chồng không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn K.

Về con chung: Vợ chồng bà có 3 người con chung là Võ Thị Thúy S, sinh năm 1995; Võ Thùy G, sinh năm 1998; Võ Thùy D, sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân. Ông thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T 03 người con như bà T trình bày là đúng, hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn K cư trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do ông K có quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Bà T không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

Tuy nhiên, trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn của bà T và ông K thì Tòa án không giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng quy định tại các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3]. Về nuôi con: Bà T và ông K có ba người con là Võ Thị Thúy S, sinh năm 1995; Võ Thùy G, sinh năm 1998; Võ Thùy D, sinh năm 2002; hiện các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010522 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Tam Thành, h.Phú Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành